

Bản án số: 157/2019/HSST

Ngày: 15 -10- 2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Phạm Thị Bích Loan

*T ký phiên tòa:* Bà Đỗ Lê Quỳnh T

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa:*** Bà Mai Thị Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 149/2019/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Minh T; giới tính: Nam, sinh năm 1983 tại Tp. H; Hộ khẩu Thường trú và nơi cư trú: 185/8 Q, Phường 28, quận T, Thành phố H; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Lê Văn L (sinh năm 1954) và bà Huỳnh Thị Đ (sinh năm 1957); Hoàn cảnh gia đình: có vợ tên Nguyễn Thị Như Tr, sinh năm 1981; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009; con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền sự: không; Tiền án: 01; Ngày 23/02/2017 bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử Lê Minh T 09 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, T chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/6/2017 (chưa được xóa án tích); Nhân thân: Ngày 25/12/2013 bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xử phạt 12 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 21 tháng 24 ngày. Bị can ra đầu thú ngày 31/3/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an quận Gò Vấp. Bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 31/3/2019 (Có mặt).

***Bị hại :***

- Bà Trần Thị D, sinh năm 1961; Trú tại: 22 T, Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; Trú tại: 22 Thiên Hộ Dương, Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994; Trú tại: 22 Thiên Hộ Dương, Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

- Bà Nguyễn Thị Như Tr, sinh năm 1981; Trú tại: 185/8 Bình Quới, Phường 28, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/3/2019, bà Trần Thị D khóa cửa nhà tại địa chỉ số: 22 Thiên Hộ Dương, phường 01, quận Gò Vấp rồi cất chìa khóa xe vào cốp xe điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Airblade biển số: 59V1 – 620.93 đến siêu thị Emart Phan Văn Trị, phường 5, quận Gò Vấp để mua đồ. Khi đến siêu thị, bà D gửi xe tại bãi xe của siêu thị Emart rồi vào siêu thị. Đến khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, bà D chạy xe về nhà thì phát hiện cửa nhà mở toang, khi đó có chị Trần Thị Thủy Minh (sinh năm 1971) là người giúp việc của nhà bà D đến để làm cho bà D thấy cửa nhà không khóa. Sau đó bà D cùng chị Minh vào nhà kiểm tra đồ đạc thì phát hiện chùm chìa khóa nhà để trong cốp xe bà D lại nằm ở đầu giường ngủ trong phòng ngủ của vợ chồng bà D, bà D kiểm tra bị mất trộm số tài sản: 100.000.000 đồng và 11.000 USD để ở hộc tủ bên phải đầu giường trong phòng ngủ của vợ chồng bà D tại lầu 1; khoảng 500 USD để trong tủ ở phòng con gái bà D là chị Nguyễn Thị Minh T phía đối diện phòng ngủ của vợ chồng bà. Sau đó bà D đến Công an phường 01, quận Gò Vấp để trình báo sự việc trên.

Qua trích xuất dữ liệu hình ảnh camera tại siêu thị Emart phát hiện nam thanh niên mở cốp xe của chị D sau đó điều khiển xe gắn máy hiệu Wave biển số 59H1 – 257.80 đi đến hẻm nhà bà D. Xác minh chủ sở hữu xe Wave biển số 59H1 – 257.80 là chị Nguyễn Thị Như Tr (sinh năm 1981, Thường trú: 185/8 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh). Chị Tr khai nhận xe do chị đứng tên chủ sở hữu và đưa cho chồng là Lê Minh T sử dụng. Cơ quan điều tra đã mời T về làm việc nh T không thừa nhận hành vi phạm tội .

Đến ngày 22/3/2019, chị Lê Thị Anh Đ (là chị ruột của T) và ông Lê Văn L (là cha ruột của T) đến Cơ quan điều tra trình báo phát hiện trong túi đánh golf của T để ở trên gác tại nhà địa chỉ: 185/8 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh có số tiền 20.000.000 đồng và 10.800 USD. Cơ quan Công an quận Gò Vấp đã phối hợp với Công an phường 28, quận Bình Thạnh tiến hành thu giữ số tiền trên nh T đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra không triệu tập để làm việc được.

Đến 18 giờ ngày 31/3/2019, Lê Minh T đã đến Cơ quan Công an quận Gò Vấp để đầu thú.

Tại Cơ quan điều tra Lê Minh T khai nhận: do cần tiền trả nợ do thua độ đá banh và tiêu xài cá nhân nên T nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản trong các bãi giữ xe. Khoảng 10 giờ ngày 18/3/2019, T điều khiển xe Wave biển số 59H1 – 257.80 từ nhà đến siêu thị Emart, T gửi xe tại bãi giữ xe rồi đi lòng vòng tìm xe để trộm cắp thì phát hiện xe Airblade đang Dng trong bãi, T lén lút sử dụng thanh kim loại chữ L (đem theo sẵn) mở bung cốp xe thì phát hiện 01 bao lì xì màu đỏ bên trong có 150.000 đồng (toàn bộ mệnh giá 5.000 đồng) T bỏ bao lì xì vào túi quần rồi tiếp tục lục trong cốp thấy 01 chùm chìa khóa cùng nhiều hóa đơn ngân hàng có tên “Thi Du”, địa chỉ 22 Thiên Hộ Dương, phường 01, quận Gò Vấp. Lúc này T nảy sinh ý định tìm về nhà có địa chỉ này để đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản. Sau đó, T lấy

chùm chìa khóa trong cốp xe rồi nhanh chóng điều khiển xe Wave của mình về nhà địa chỉ trên. Khi đến nơi T chạy xe máy của mình vào con hẻm cách đó khoảng 30m để cất giấu xe rồi đi bộ đến nhà địa chỉ số 22 Thiên Hộ Dương. Lúc này T mặc áo khoác màu cam, áo thun màu xám, quần Jean dài màu xanh, nón bảo hiểm màu cam và đeo khẩu trang y tế màu xám. T thấy cửa cổng khóa trong nên lấy chùm chìa khóa đã lấy trộm trong cốp xe thò tay vào trong để mở cổng, khi mở được cổng T tiếp tục dùng chùm chìa khóa trên mở cửa nhà đi vào nhà. Sau đó, T L lùa 1 vào phòng ngủ lục tài sản trộm được 03 đồng tiền xu trong hộp nhựa màu đỏ và khoảng 120 USD, T tiếp tục sang phòng ngủ đối diện lục học tủ đầu giường lấy được 01 bọc nilon có 01 cọc tiền gồm nhiều tờ mệnh giá 500.000 đồng và 01 cọc tiền còn lại gồm nhiều tờ 100 USD. Sau khi trộm cắp tài sản xong, T để lại chùm chìa khóa trên giường rồi đi bộ ra hẻm để xe điều khiển xe chạy đến khu vực cầu Bình Lợi mới, quận Bình Thạnh T vứt chiếc quần Jean đang mặc xuống sông nH quên lấy số tiền khoảng 120 USD và 3 đồng xu trong túi quần sau. Sau đó, T chạy xe về nhà 185/8 Bình Quới, phường 28, quận Bình Thạnh kiểm tra đếm được 100.000.000 đồng (toàn tiền mệnh giá 500.000 đồng) và 10.800 USD. T lấy 80.000.000 đồng đi trả nợ, còn lại 20.000.000 đồng và 10.800 USD cất giấu trong giỏ đánh Golf trên gác của nhà T thì bị cha ruột và chị gái phát hiện trình báo Công an quận Gò Vấp.

Vật chứng thu giữ:

- Số tiền 20.000.000 đồng tiền NHNNVN và 10.800 USD (Căn cứ bảng tỷ giá số 01 ngày 18/3/2019 của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh 9, Tp. Hồ Chí Minh quy đổi 1USD = 23,260 đồng;  $10.800 \text{ USD} \times 23,260 = 251.208.600$  đồng). Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại số tiền 20.000.000 đồng và 10.800 USD cho bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn H.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave biển số 59H1 – 257.80 do T sử dụng làm phương tiện gây án. Kết quả xác minh xe xác định chủ sở hữu chiếc xe trên là chị Nguyễn Thị Như Tr, chị Tr là vợ của Lê Minh T. Qua làm việc chị Tr cho biết chiếc xe trên chị mua vào năm 2012 với giá 14.000.000 đồng. Việc T sử dụng xe làm phương tiện gây án chị Tr hoàn toàn không biết và có đơn xin nhận lại tài sản. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại chiếc xe máy trên cho chị Tr, chị Tr đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì khác.

Bà Trần Thị D cho biết bị chiếm đoạt số tiền 150.000 đồng trong phong bao lì xì để ở cốp xe, bà D không có yêu cầu bồi Thường.

Ông Nguyễn Văn H cho biết ông bị chiếm đoạt số tiền là 100.000.000 đồng và 11.000 USD (tiền để trong phòng ngủ của ông H, bà D). Ông H, bà D đã nhận lại 20.000.000 đồng và 10.800 USD, ông H yêu cầu Lê Minh T bồi Thường 84.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Minh T (là con gái ông H, bà D) cho biết chị bị chiếm đoạt số tiền 500 USD. Chị T yêu cầu T bồi Thường số tiền 11.000.000 đồng.

Do T và phía bị hại khai không khớp với nhau về số tiền nH phía bị hại không đồng ý đối chất với T và yêu cầu T phải bồi Thường số tiền 95.000.000 đồng (của cả ông H, bà D và chị T). Tuy nhiên, T chỉ khai nhận chiếm đoạt 150.000 đồng trong bao lì xì lấy trong cốp xe; 03 đồng tiền xu màu vàng; 120 USD trong phòng chị T; số tiền 100.000.000 đồng tiền NHNNVN và 10.800 USD lấy trong phòng của ông H và bà D.

Căn cứ bảng tỷ giá số 01 ngày 18/3/2019 của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, chi nhánh 9, Tp. Hồ Chí Minh thì 1 USD = 23,260 đồng. Như vậy, T chiếm đoạt:  $10.800 \text{ USD} + 120 \text{ USD} = 10.920 \text{ USD} \times 23,260 = 253.999.200$  đồng và số tiền 100.000.000 đồng + 150.000 đồng = 100.150.000 đồng. Tổng số tiền T chiếm đoạt của gia đình ông H là  $253.999.200 + 100.150.000 = 354.149.200$  đồng.

Tại cơ quan điều tra Lê Minh T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 146/Ctr-VKS, ngày 28/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Minh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp sau khi phân tích nội dung vụ án, những tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, các tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Minh T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.
- Miễn phạt bổ sung cho bị cáo
- Buộc bị cáo bồi Thường cho ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.
- Buộc bị cáo bồi Thường cho chị Nguyễn Thị Minh T số tiền 2.814.460 (hai triệu tám trăm mười bốn nghìn bốn trăm sáu mươi) đồng.

Qua ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát bị cáo nhất trí và không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Gò Vấp, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của người làm chứng, cùng với tang vật đã thu giữ, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan Công an quận Gò Vấp, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tài sản bị cáo

trộm cắp có giá trị 354.149.200 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở pháp lý để cho rằng hành vi của Lê Minh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung như Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của người bị hại, bị cáo cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, điều đó cho thấy bị cáo rất xem Thường pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được Pháp luật và Nhà nước bảo hộ. Mặt khác, còn gây ảnh hưởng tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội và trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo chỉ vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ cho những nhu cầu cá nhân mà không phải thông qua lao động chân chính nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo đã từng bị xử phạt về hành vi “ Trộm cắp tài sản”. Tuy chưa xóa án, nay lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo không hề ăn năn hối cải thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do lần này bị cáo phạm tội tài sản chiếm đoạt có giá trị 354.149.200 đồng nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải xử lý nghiêm, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo bị cáo đồng thời cũng nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo một số tình tiết: Tại cơ quan điều tra cũng như qua diễn biến phiên tòa hôm nay bị cáo đã thật thà khai báo, thành khẩn nhận tội, sau khi bị phát hiện bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan điều tra đầu thú, tài sản đã thu hồi được một phần trả cho người bị hại để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự : Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị D, ông Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Minh T vắng mặt NH qua hồ sơ thể hiện:

Đối với số tiền 150.000 đồng bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Thị D trong phong bao lì xì để ở cốp xe, sau khi chiếm đoạt bị cáo cất giữ trong túi quần và đã vứt chiếc quần xuống sông hiện không còn, bà D không có yêu cầu bị cáo bồi Thường số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của ông H và bà D tại phòng ngủ, theo ông H tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 100.000.000 đồng và 11.000 USD. Tại cơ quan điều tra bị cáo chỉ thừa nhận bị cáo đã chiếm đoạt của ông H và bà D số tiền 100.000.000 đồng và 10.800 USD. Bị cáo đã sử dụng 80.000.000 đồng để trả nợ, phần còn lại 20.000.000 đồng và 10.800 USD bị cáo cất giữ ở nhà, sau đó gia đình bị cáo phát hiện đã giao nộp cho cơ quan điều tra và đã trả lại cho ông H và bà D. Tại buổi làm việc tại Tòa, bà D thừa nhận đã nhận lại 20.000.000 đồng và 10.800 USD tại cơ quan điều tra, phần còn lại 80.000.000 đồng bị cáo đã tiêu xài bà yêu cầu bị cáo bồi Thường số tiền này.

Đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Minh T (là con gái ông H, bà D). Theo chị T số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị là 500 USD tương đương 11.631.000 đồng. Chị T yêu cầu bị cáo phải bồi Thường số tiền 11.000.000 đồng cho chị T. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận chỉ chiếm đoạt của chị T 03 đồng tiền xu màu vàng (không rõ giá trị) và số tiền 120 USD. Quá trình điều tra, chị T không đồng ý đối chất để làm rõ số tiền này. Nay, chị T cũng đồng ý yêu cầu bị cáo bồi Thường 120 USD tương đương với 2.814.460 đồng cho chị. Riêng 03 đồng tiền xu màu vàng chị T không rõ giá trị, hiện nay bị cáo đã vứt bỏ không còn giữ nên chị T không yêu cầu bồi Thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi Thường cho ông H và bà D số tiền 80.000.000 đồng, đồng ý bồi Thường cho chị T số tiền 2.814.460 đồng (tương đương 120 USD). Xét đây là ý chí tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 20.000.000 đồng tiền NHNNVN và 10.800 USD thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại số tiền 20.000.000 đồng và 10.800 USD cho ông H và bà D.

- 01 xe gắn máy hiệu Wave biển số 59H1 – 257.80 do T sử dụng làm phương tiện gây án. Qua xác minh chiếc xe trên do chị Nguyễn Thị Như Tr là chủ sở hữu, chị Tr là vợ của Lê Minh T. Qua làm việc chị Tr cho biết chiếc xe trên chị mua vào năm 2012. Việc T sử dụng xe làm phương tiện gây án chị Tr hoàn toàn không biết và có đơn xin nhận lại tài sản. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại chiếc xe máy trên cho chị Tr.

Xét, việc trả lại các tài sản trên là hợp lệ nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét giải quyết lại.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lê Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 31/3/2019

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Buộc bị cáo bồi Thường cho ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị D số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

- Buộc bị cáo bồi Thường cho chị Nguyễn Thị Minh T số tiền 2.814.460 (hai triệu tám trăm mười bốn nghìn bốn trăm sáu mươi) đồng.

Kể từ ngày người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thực hiện bồi thường cho người bị hại số tiền nói trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả

thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015 của Quốc Hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.140.723 (bốn triệu một trăm bốn mươi nghìn bảy trăm hai mươi ba) đồng. Nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TPHCM;
- Chi cục thi hành án quận Gò Vấp;
- Công an quận Gò Vấp;
- Viện kiểm sát quận Gò Vấp;
- Người tham gia tố tụng;
- Bị cáo;
- PC27 công an TPHCM;
- THA hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Thị Hương**